

INSTITUTE
OF
ANTHROPOLOGY

In 300 cuốn, tại Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Hoàng Quốc Việt, theo Giấy phép xuất bản số 139/GP-BVHTT, ngày 22-4-2013. Phát hành qua mạng lưới bưu điện Việt Nam trên toàn quốc: Mã ấn phẩm: C212; Hotline 1800.585855. Hoặc tòa soạn Tạp chí Dân tộc học (Số ĐT: 02462730420). In xong và nộp lưu chiểu tháng 10-2021.

Giá: 40.000đ

TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC - SỐ 5 (227) - 2021 ANTHROPOLOGY REVIEW



ISSN 0866 - 7632

TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC

5 (227)
2021

VIỆN DÂN TỘC HỌC
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

DÂN TỘC HỌC

Tạp chí chuyên ngành Dân tộc học
Năm thứ XXXVII
Số 5 (227) - 2021

Ra hai tháng một kỳ

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ
Tầng 10, nhà A, số 1 Liễu Giai, Hà Nội
Điện thoại: 84-024-62730420
E-mail: tapchidantochoc@gmail.com
Website: viendantochoc.vass.gov.vn

Tổng biên tập PGS.TS. NGUYỄN VĂN MINH
Phó Tổng biên tập TS. NGUYỄN THỊ THANH BÌNH
* * *
HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
PGS.TS. Nguyễn Văn Minh (Chủ tịch)
TS. Bùi Thị Bích Lan (Thư ký)
TS. Nguyễn Thị Thanh Bình
PGS.TS. Phạm Quang Hoan
PGS.TS. Vương Xuân Tình
PGS.TS. Bùi Văn Đạo
PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh
PGS.TS. Bùi Xuân Đỉnh
TS. Trần Văn Hà
TS. Lý Hành Sơn
TS. Trần Minh Hằng
TS. Nguyễn Công Thảo
* * *
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ
TS. Hoàng Phương Mai (Thư ký)
ThS. Phạm Thị Thu Hà
ThS. Lục Mạnh Hùng
Thiết kế bìa: ThS. Lục Mạnh Hùng
Chuyển ngữ: ThS. Vương Ngọc Thi
Tài khoản: Viện Dân tộc học STK: 001.1.00.1715230 Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Số 11 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

MỤC LỤC	
NGHIÊN CỨU	
	Trang
Nguyễn Văn Chính	* Nguồn lực văn hóa và phát triển cộng đồng nhìn từ quan điểm Nhân học 3
Trịnh Thị Lan	* Vai trò của chính quyền địa phương đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng người Khơ-me tỉnh An Giang 17
Trần Thị Hồng Yến	
Trương Thị Hạnh	* Tình trạng lấn chiếm, tranh chấp đất đai tại các công ty lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Nông và một số giải pháp 28
Trần Thị Hồng Yến	
Lý Hành Sơn	* Một số hoạt động tôn giáo của người Khơ-me ở huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang và vấn đề đặt ra 41
Nguyễn Thái Hòa	* Tín ngưỡng truyền thống của người Dao ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc: Những biến đổi và vấn đề đặt ra 53
Nguyễn Thị Hào	* Những biến đổi trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu tại Hội quán Phúc Kiến, phố Lãn Ông, Hà Nội 66
Đặng Minh Ngọc	* Âm thực của người Thái ở Quỳnh Nhai: Tiềm năng để phát triển du lịch cộng đồng vùng lòng hồ thủy điện Sơn La 77
Vũ Đình Mười	* Biến đổi trong hoạt động trồng trọt của người Cơ Tu tái định cư ở thủy điện Sông Bung 4, tỉnh Quảng Nam 87
Phạm Quang Linh	* Một số vấn đề trong nghiên cứu về sinh kế của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam 98
Nguyễn Thị Phương Lê	* Đánh giá kết quả thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2015-2020 111
THÔNG TIN	
Nguyễn Thị Phương Lê	Hội thảo Quốc tế: “Phát triển từ cơ sở” 124

TÓM TẮT TIẾNG VIỆT SỐ 5/2021

1. Nguyễn Văn Chính: Nguồn lực văn hóa và phát triển cộng đồng nhìn từ quan điểm Nhân học

Bài viết này, trên cơ sở nhìn lại các quan điểm lý thuyết về vốn văn hóa để trả lời câu hỏi làm thế nào biến nguồn lực văn hóa thành động lực của phát triển, làm cho văn hóa tham gia sâu hơn vào quá trình phát triển bền vững. Đưa vốn văn hóa vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội cũng có nghĩa là chấp nhận hoặc sử dụng các thành tố của một văn hóa nhất định hoặc sử dụng các ý tưởng, biểu tượng, khía cạnh văn hóa vật thể và phi vật thể của văn hóa đó. Các chiến lược phát triển do đó cần đặt văn hóa vào trong một bối cảnh rộng hơn để hiểu được những năng động và đa dạng của văn hóa, đảm bảo phát huy khả năng thúc đẩy hợp tác và huy động được nguồn lực văn hóa vào quá trình phát triển thay vì chỉ dựa vào nguồn lực vật chất hay áp đặt ý chí từ bên ngoài cộng đồng.

2. Trịnh Thị Lan, Trần Thị Hồng Yến: Vai trò của chính quyền địa phương đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng người Khơ-me tỉnh An Giang.

Khác với người Khơ-me các tỉnh Tây Nam Bộ, người Khơ-me tỉnh An Giang sinh sống ở vùng đồi núi với địa hình phức tạp và dọc biên giới với Campuchia. Trong chiến tranh biên giới Tây Nam, phum/sóc và chùa chiền của đồng bào bị tàn phá nặng nề, hầu hết người dân phải di cư về các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Cần Thơ..., và một bộ phận phải di tản sang cả Campuchia. Sau khi quân Khơ-me Đỏ bị đánh bật ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, người Khơ-me An Giang trở về quê với hai bàn tay trắng và phải gây dựng lại cuộc sống từ đầu. Thực trạng này không chỉ đặt ra nỗ lực khôi phục lại kinh tế - xã hội với người dân, mà còn là “gánh nặng” lên vai chính quyền địa phương tỉnh An Giang. Bài viết đề cập đến vai trò của chính quyền địa phương trong triển khai, thực hiện các chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội đối với người Khơ-me tỉnh An Giang.

3. Trương Thị Hạnh: Tình trạng lấn chiếm, tranh chấp đất đai tại các công ty lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Nông và một số giải pháp.

Quan hệ đất đai tại các tỉnh Tây Nguyên là vấn đề nổi cộm luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm chỉ đạo giải quyết sát sao trong những thập niên vừa qua. Đến nay, mặc dù tình hình về cơ bản đã tương đối ổn định nhưng tại một số địa phương vấn đề này vẫn còn tồn tại những mâu thuẫn cần được tháo gỡ. Thực tế cho thấy, những mâu thuẫn đất đai ảnh hưởng đến thực hiện chính sách dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội và an ninh ở các địa phương. Việc lấn chiếm, tranh chấp đất đai giữa các cộng đồng dân tộc thiểu số (DTTS) tại chỗ hay những nhóm di cư với các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông hiện nay không nằm ngoài những ảnh hưởng đó. Nguyên nhân trước hết là do các công ty lâm nghiệp bị hạn chế về chức năng xử lý vi phạm và buông lỏng quản lý, sự hạn chế trong hiểu biết về Luật Đất đai nên người DTTS sử dụng đất chồng

lấn lên đất của các công ty lâm nghiệp; sức ép về phát triển kinh tế - xã hội lên nguồn lực đất đai gia tăng; áp lực từ dân di cư tự do, gia tăng dân số; ... Trên cơ sở phân tích thực trạng, tìm hiểu nguyên nhân của vấn đề lấn chiếm đất đai của các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, bài viết đề xuất một số giải pháp góp phần đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị trong thời gian tới.

4. Trần Thị Hồng Yên: Một số hoạt động tôn giáo của người Khơ-me ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia và vấn đề đặt ra (Nghiên cứu tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang)

Người Khơ-me ở Việt Nam có mối quan hệ lâu đời với người Khơ-me ở Campuchia trên các phương diện: đồng tộc, đồng tôn giáo, đồng văn hóa. Vì vậy, các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội xuyên biên giới giữa hai nước của tộc người này vẫn thường xuyên diễn ra. Với chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, gần đây các hoạt động tôn giáo xuyên biên giới Việt Nam - Campuchia ngày càng gia tăng dưới các hình thức đi cúng lễ với làm phước, du học về tôn giáo, nhận tài trợ, ... Các hoạt động đó diễn ra thông qua hệ thống chùa của hai nước ở vùng biên giới. Bài viết này đề cập đến một số hoạt động tôn giáo xuyên biên giới của người Khơ-me Việt Nam tại huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang, thể hiện qua các lễ hội Sen Dolta, Kathina và việc du học về tôn giáo.

5. Lý Hành Sơn: Tín ngưỡng truyền thống của người Dao ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc: Những biến đổi và vấn đề đặt ra

Tín ngưỡng truyền thống của người Dao ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc cũng như tộc người Dao ở nước ta được hình thành trong lịch sử tộc người, có vai trò to lớn đối với việc duy trì các nghi lễ, lễ hội của đồng bào. Đặc biệt, gắn với nghi lễ, tín ngưỡng là thực hành của những thành tố văn hóa vật chất và tinh thần khác như các loại nhạc cụ, các điệu múa, hát và thơ cúng, nghệ thuật trang trí, các đồ ả thực dâng cúng, lễ phục, tranh thờ, ... Tín ngưỡng truyền thống của người Dao ở nhiều địa phương thuộc vùng biên giới đã và đang có nhiều biến đổi theo xu hướng mai một, cần có giải pháp thiết thực hơn để bảo tồn và phát huy những yếu tố tích cực của nó trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập.

6. Nguyễn Thái Hòa: Những biến đổi trong tín ngưỡng thờ Thiên Hậu tại Hội quán Phúc Kiến, phố Lãn Ông, Hà Nội

Hội quán Phúc Kiến ở phố Lãn Ông, Hà Nội là công trình tín ngưỡng dân gian do người Hoa gốc tỉnh Phúc Kiến xây dựng. Trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa, đến nay hội quán vẫn còn bảo lưu được những nét tiêu biểu về kiến trúc - nghệ thuật và đã được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia. Thông qua tư liệu điền dã tháng 7 và tháng 11 năm 2020 của tác giả, bài viết này giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành, tổng quan về kiến trúc và đặc biệt là trình bày những biến đổi trong tín ngưỡng thờ cúng Thiên Hậu tại hội quán Phúc Kiến hiện nay.

7. Nguyễn Thị Hảo: Âm thực của người Thái ở Quỳnh Nhai: Tiềm năng để phát triển du lịch cộng đồng vùng lòng hồ thủy điện Sơn La

Ngày nay ẩm thực của các tộc người ở nhiều địa phương đã tham gia vào các dịch vụ du lịch cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế. Ẩm thực là một phần không thể thiếu trong các chuyến du lịch, ấn tượng về ẩm thực và văn hóa góp phần vào sự thành công của mỗi chuyến đi. Với xu thế phát triển đa dạng trong nhu cầu du lịch, ẩm thực phải đáp ứng về chất lượng, sự trải nghiệm hay khám phá điều mới mẻ của du khách đối với văn hóa ẩm thực của mỗi dân tộc ở các vùng miền. Bài viết chỉ ra những nét văn hóa ẩm thực đặc trưng của người Thái ở huyện Quỳnh Nhai (tỉnh Sơn La), từ đó đề xuất những giải pháp để khai thác và phát huy giá trị của văn hóa ẩm thực gắn với phát triển du lịch cộng đồng vùng lòng hồ thủy điện Sơn La hiện nay.

8. Đặng Minh Ngọc: Biến đổi trong hoạt động trồng trọt của người Cơ-tu ở thủy điện Sông Bung 4, tỉnh Quảng Nam

Xây dựng thủy điện Sông Bung 4 là một trong những sáng kiến về cơ sở hạ tầng, giúp Việt Nam hoàn thành một trong các mục tiêu của chiến lược quốc gia về “Tăng trưởng và giảm nghèo toàn diện”. Đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế trong công cuộc phát triển đất nước là không thể phủ nhận, tuy nhiên việc xây dựng công trình thủy điện luôn đi kèm với những tác động về di dân, tái định cư, xã hội, văn hóa truyền thống và môi trường. Trong đó, công trình thủy điện Sông Bung 4 đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến nơi ở, sinh kế và hoạt động trồng trọt của người Cơ-tu ở các thôn tái định cư thuộc xã Zuôi và xã Tà Pơ thuộc huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Khi rời khỏi nơi ở cũ đến nơi tái định cư, bên cạnh những thuận lợi mới, họ phải đối mặt với nhiều khó khăn do sự thay đổi về môi trường sống, đặc biệt là vấn đề thiếu đất canh tác. Bài viết này làm rõ sự biến đổi trong hoạt động trồng trọt của người Cơ-tu tại các thôn tái định cư của thủy điện Sông Bung 4, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự biến đổi này.

9. Vũ Đình Mười: Một số vấn đề trong nghiên cứu về sinh kế của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam.

Từ sau Đổi mới (1986), Đảng và Nhà nước ta đã có sự quan tâm lớn đến việc phát triển và ổn định vùng biên giới nói chung và nâng cao đời sống của các cư dân vùng biên giới nói riêng qua hàng loạt các chính sách, chương trình và dự án phát triển, hỗ trợ. Bối cảnh mở cửa, hội nhập quốc tế và nền kinh tế thị trường đã có tác động ngày càng sâu rộng đến hoạt động kinh tế vùng biên giới và đời sống sinh kế của các tộc người thiểu số (TNTS) vùng biên giới nước ta, theo cả hai chiều tích cực và tiêu cực. Vấn đề biên giới Việt Nam đã và đang thu hút nhiều sự quan tâm nghiên cứu của các ngành khoa học, đặc biệt là dân tộc học/nhân học, đề cập đến nhiều khía cạnh, trong đó có hoạt động sinh kế của các TNTS trong vùng. Trên cơ sở tổng quan tài liệu, bài viết này trình bày một cách tổng quát một số vấn đề về lý thuyết tiếp cận, nội dung, đánh giá những thành tựu và hạn chế trong nghiên cứu về sinh kế của các tộc người ở vùng biên giới nước ta, từ đó gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo về chủ đề này.

10. Phạm Quang Linh: Đánh giá kết quả thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2015-2020

Giai đoạn 2015-2020, Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định “việc phát triển nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số (DTTS) là một trong 3 khâu đột phá chiến lược của đất nước”. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã có Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS dựa trên 3 trụ cột thể lực, trí lực và tâm lực với các mục tiêu và giải pháp cụ thể. Sau 5 năm triển khai, nguồn nhân lực DTTS cải thiện đáng kể, nhiều chỉ tiêu đặt ra đã hoàn thành. Về thể lực, tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi giảm xuống còn 22‰. Về trí lực, số lượng sinh viên người DTTS và công tác đào tạo sau đại học cho người DTTS đã cao hơn so với mục tiêu đặt ra. Về tâm lực, gần 100% người DTTS hiện nay được tiếp cận với năng lượng điện, tỷ lệ người dân sở hữu tivi, máy tính, điện thoại di động và sử dụng internet tăng cao, ... Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, vẫn còn một số mục tiêu chưa thành công như nâng tuổi thọ bình quân người DTTS gần với tuổi thọ bình quân quốc gia, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em DTTS xuống 29%, phân đầu 25% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 75% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc tại các cơ sở giáo dục mầm non; ...